

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Thị trường giao dịch khởi sắc

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

HĐTL F2002 tăng yếu hơn đáng kể so với chỉ số VN30 Index

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

TCB, GAS, FPT

[Quan điểm đầu tư]

Tránh mua đuổi, chờ thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh để mua trở lại/gia tăng trạng thái tại vùng hỗ trợ.

21/01/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	986.37	+0.79
VN30	906.52	+1.02
HĐTL VN30	902.20	+0.59
HNXIndex	105.59	+0.91
HNX30	183.92	+1.38
UPCoM	55.96	+0.85
USD/VNĐ	VND23,171	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.07	+15
Lãi suất qua đêm (%)	2.91	+59
Dầu (WTI, \$)	58.54	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,557.00	-0.24



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 986.37 (+0.79%)
KLGD (triệu CP) 129.3 (+30.3%)
GTGD (triệu US\$) 147.8 (-14.2%)

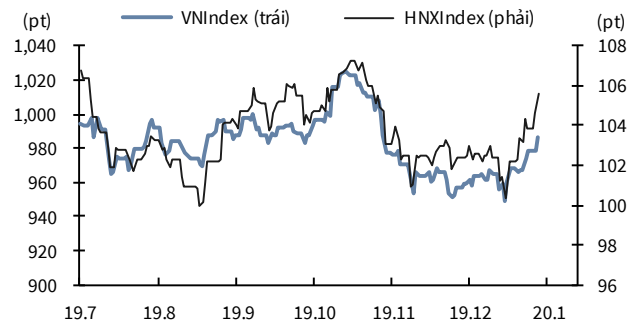
HNXIndex 105.59 (+0.91%)
KLGD (triệu CP) 25.4 (-8.3%)
GTGD (triệu US\$) 11.2 (-0.3%)

UPCoM 55.96 (+0.85%)
KLGD (triệu CP) 9.6 (+0.0%)
GTGD (triệu US\$) 7.9 (+98.0%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +2.4

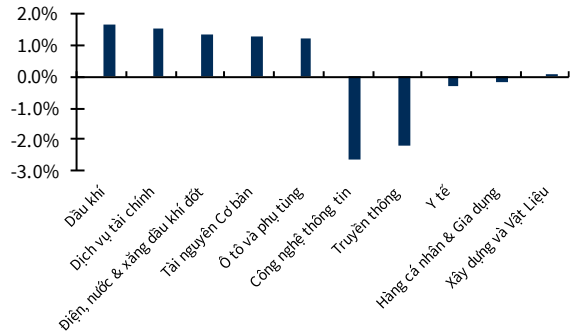
Với việc ngày hôm qua, 20/1, là hạn cuối công bố báo cáo tài chính Q4, hàng loạt các doanh nghiệp vốn hóa lớn (VPB, HBC, BSR) công bố KQKD tích cực giúp thị trường giao dịch khởi sắc ngay thời điểm mở cửa đầu phiên. Nhóm cổ phiếu ngân hàng, với sự dẫn dắt từ TCB và VPB sau khi công bố KQKD tăng trưởng mạnh, đồng loạt tăng giá và đóng góp chính vào diễn biến tăng của thị trường chung. Nhóm cổ phiếu dầu khí (GAS, PVD, PVS), phản ứng trước thông tin giá dầu phiên ngày hôm qua tăng mạnh, cũng giao dịch khởi sắc trong phiên hôm nay. Đáng chú ý, cổ phiếu FPT đi ngược xu hướng thị trường và giảm mạnh (-3.3%) sau khi đón nhận KQKD Q4 sụt giảm nhẹ dù vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng cao cho cả năm 2019. Nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao (HAI, GAB, TSC, AMD) đồng loạt tăng trần trong phiên hôm nay. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng phiên thứ 4 liên tiếp, tập trung ở HPG và E1FVN30.

VN Index & HNX Index



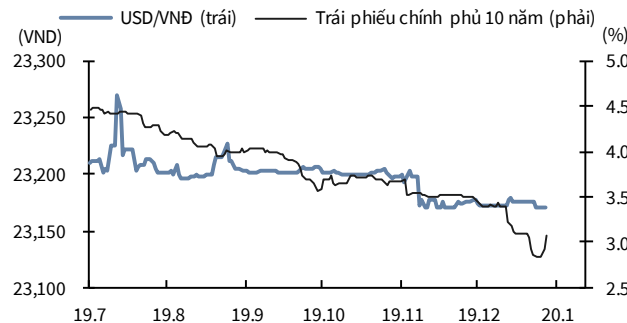
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



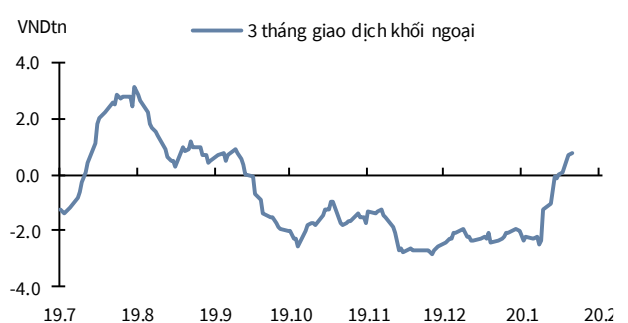
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

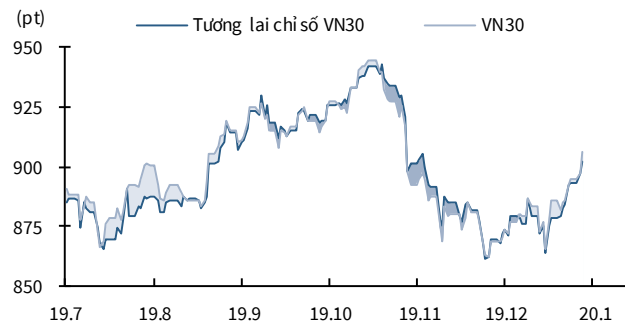
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30 **906.52 (+1.02%)**
VN30 tương lai **902.2 (+0.59%)**
Mở cửa **896.0**
Cao nhất **904.6**
Thấp nhất **896.0**

Hợp đồng **63,650 (+5.3%)**
KL HĐ mở OI **N/A**

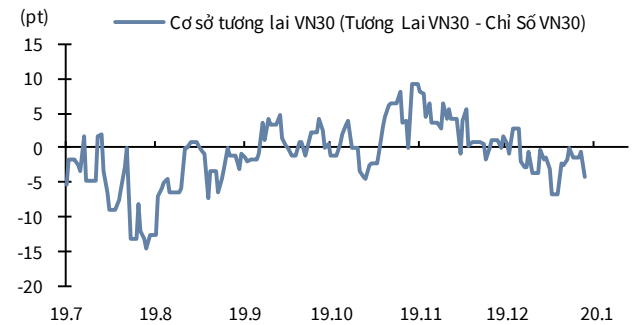
HĐTL F2002 tăng yếu hơn đáng kể so với chỉ số VN30 Index trong phiên hôm nay, khiến chênh lệch âm được nới rộng lên mức -4.3 điểm. Thanh khoản thị trường sụt giảm xuống mức thấp trước kỳ nghỉ lễ dài ngày. Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài tương đối sôi động với giá trị mua và giá trị bán ở mức tương đối cân bằng. Phiên hôm nay cũng là phiên công bố danh mục mới ở rổ chỉ số VN30 Index với POW và PLX được thêm vào, trong khi GMD và DPM bị bán ra.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



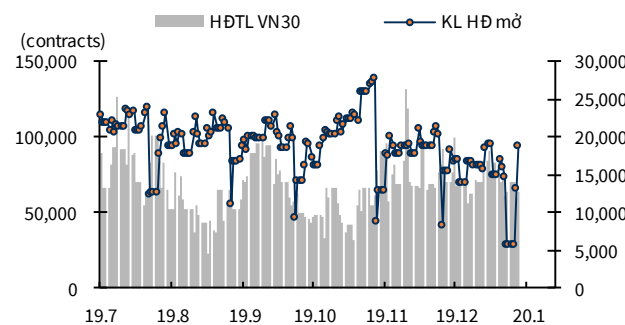
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



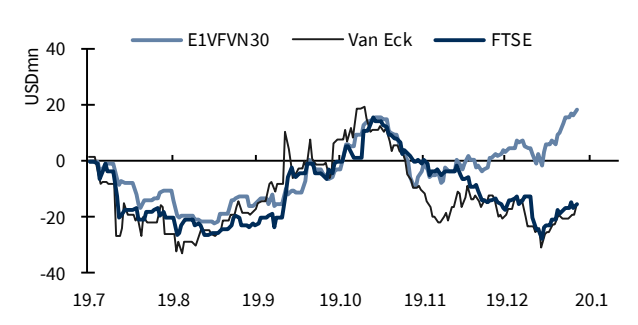
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

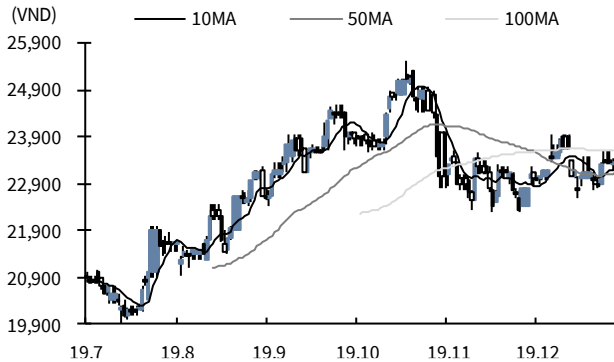
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

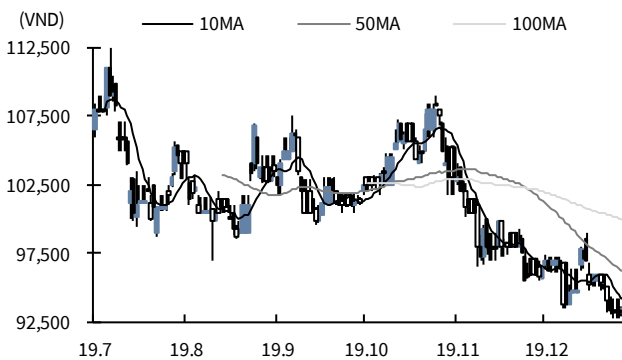
Techcombank (TCB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCB tăng 3% lên 24,050 VND/cp.
- Theo BCTC hợp nhất quý IV/2019, TCB ghi nhận lãi thuần 3,904 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ năm trước. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ giữ ở 1,363 tỷ đồng, bên cạnh lãi thuần từ hoạt động khác gần 613 tỷ đồng, tăng 6%. Chi phí hoạt động trong kỳ tăng 11% lên 2,336 tỷ đồng. Trừ chi phí dự phòng hơn 312 tỷ đồng, ngân hàng lãi trước thuế 3,978 tỷ đồng, tăng 38%.
- Lũy kế 2019, Techcombank lãi thuần 14,258 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Lãi sau thuế đạt 10,075 tỷ đồng, tăng 19%.

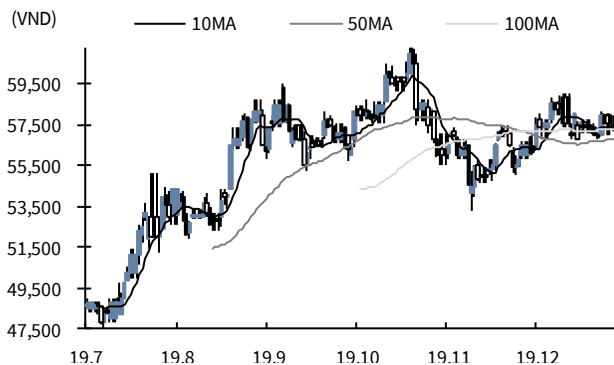
Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GAS tăng 1.6% lên 94,900 VND/cp
- GAS vừa công bố báo cáo tài chính quý IV/2019 với doanh thu giảm 9% còn 17,318 tỷ đồng. Biên lợi nhuận kém hơn khiến lợi nhuận gộp giảm 19% còn 3,841 tỷ đồng. Trong kỳ, hoạt động tài chính là điểm sáng khi doanh thu tăng 17% trong khi chi phí lại giảm đi 24% so với cùng kỳ. Ngoài ra, tổng công ty cũng tiết giảm rất đáng kể chi phí tài chính và chi phí quản lý trong quý vừa qua. Nhờ các yếu tố trên, PV Gas báo lãi sau thuế quý 4 chỉ còn giảm 5% xuống mức 3,098 tỷ đồng.
- Lũy kế năm 2019, PV Gas có doanh thu gần tương đương năm trước, đạt 75,348 tỷ đồng. Lãi sau thuế đạt 12,159 tỷ đồng, tăng 4% so với năm trước.

Tập đoàn FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT giảm 3.3% xuống 55,500 VND/cp.
- Báo cáo tài chính cho năm 2019, FPT đạt doanh thu 27,717 tỷ đồng, tăng 19.4% so với cùng kỳ, vượt 4% kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế đạt 4,665 tỷ đồng, tăng 20.9% so với cùng kỳ, vượt 5% kế hoạch năm.
- Tính riêng quý IV/2019, công ty mẹ đạt 757 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, giảm 3.7% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là năm thứ 2 liên tiếp FPT ghi nhận lợi nhuận tăng trưởng âm vào quý IV. Trước đó vào quý IV/2018, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ FPT giảm 45% so với cùng kỳ do không còn mảng bán lẻ.

21/01/2020

Chuyên viên chiến lược thị trường
Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Cập nhật danh mục VN30 & VNFIN LEAD kì tháng 01/2020

Các thay đổi của rổ VN30 Index trong kì cơ cấu tháng 1/2020

- PLX được thêm vào chỉ số VN30 khi hoàn thành bán 20 triệu cổ phiếu quỹ, giúp tỷ lệ free-float được cải thiện trong khi POW cũng được thêm vào nhờ đủ thời gian niêm yết trên 6 tháng và có giá trị vốn hóa nằm trong top 20 cổ phiếu lớn nhất sàn HoSE. Ở chiều ngược lại, DPM và GMD là 2 mã bị loại ra khỏi danh mục trong kỳ cơ cấu này sau đợt sụt giảm mạnh gần đây. Các cổ phiếu dự phòng của chỉ số VN30 gồm có TPB, KDH, GEX, VGC và PPC.
- Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của bộ ba cổ phiếu họ "Vin" là VHM, VIC và VRE được tăng từ 42.1% lên 45.38%. Ngoài ra, giới hạn tỷ trọng vốn hóa của VNM cũng tăng từ 58.14% lên 63.42%.
- BID, BVH, CTG và ROS được tăng tỷ lệ free-float trong khi VRE, NVL và SBT bị giảm tỷ lệ free-float.
- Rổ danh mục mới sẽ có hiệu lực từ ngày 03/02/2020 đến 31/07/2020. Quỹ VFMVN30 ETF sử dụng benchmark VN30 Index sẽ hoàn tất cơ cấu vào ngày 31/1 tới đây.

VNFIN LEAD Index loại VND và TPB khỏi danh mục, giảm số lượng cổ phiếu xuống còn 12 trong kì cơ cấu tháng 1/2020

- Danh mục VNFin Lead Index kỳ tháng 1/2020 sẽ có hiệu lực từ ngày 3/2/2020 đến ngày 31/7/2020.

Đánh giá các tác động của kỳ tái cơ cấu danh mục lần này

- Tính đến thời điểm cuối năm 2019, theo báo cáo của VFMVN30, ETF này đang lưu hành 455,7 triệu chứng chỉ quỹ (tăng 54.1% so với cùng kỳ- mức tăng trưởng ấn tượng trong bối cảnh thị trường năm 2019 sụt giảm về thanh khoản); giá trị tài sản ròng theo đó đạt gần 6,700 tỷ đồng và trở thành 1 trong những ETFs lớn nhất đang hoạt động trên TTCK Việt Nam. Theo đó, đợt tái cơ cấu danh mục tới đây sẽ gây nhiều ảnh hưởng đến thị trường chung.
- Các cổ phiếu được mua mạnh gồm: PLX, POW, VIC, VHM, VNM, BID, BVH, CTG, ROS.
- Các cổ phiếu chịu áp lực bán gồm: DPM, GMD, NVL, SBT.
- Đối với VNFIN LEAD Index, do ETF bám theo chỉ số này chưa chính thức được giao dịch và lượng vốn huy động được chưa lớn nên tác động từ đợt tái cơ cấu của VNFIN LEAD Index là chưa đáng kể.
- Tác động này đã được phần nào phản ánh vào diễn biến giá cổ phiếu trước đó do có 1 bộ phận dòng tiền đã chủ động dự báo và đầu cơ đón đầu hoạt động tái cơ cấu.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

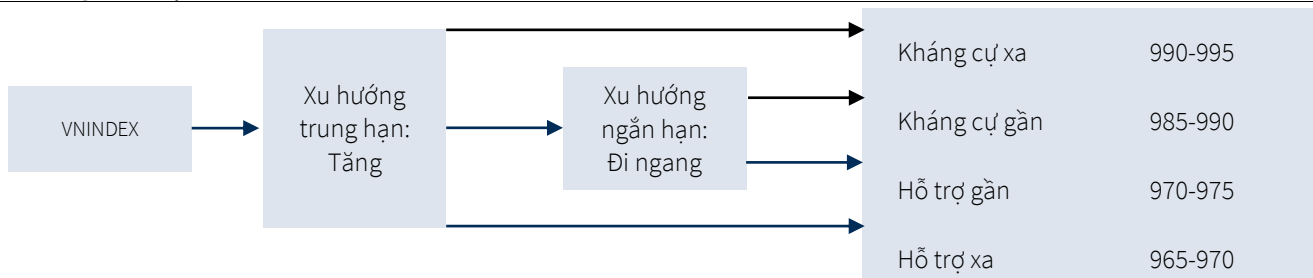
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Diễn biến bút phá của VNIndex trong phiên hôm nay được xem là tín hiệu củng cố thêm cho xu hướng tăng trung hạn khi chỉ số vượt qua vùng kháng cự ngắn hạn.
- Dải Bollinger cũng bắt đầu mở ra sau giai đoạn thắt hẹp cũng củng cố thêm cho xu hướng hồi phục.
- Mặc dù vậy, sau một nhịp tăng nóng, rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn cần được lưu ý khi VNIndex chạm tới vùng kháng cự quanh 987, tương ứng ngưỡng Fibonaci 50% của đà giảm từ tháng 11/2019.
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chờ thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh để mua trở lại/gia tăng trạng thái tại vùng hỗ trợ.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tương tự VNIndex, chỉ số VN30 cũng ghi nhận phiên tăng điểm mạnh mẽ, bứt phá vượt vùng kháng cự ngắn hạn.
- Vùng kháng cự kế tiếp được xác định tại quanh 913-915 điểm và rủi ro xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn hạn cần được tính đến khi mà các chỉ số động lượng cũng đã dần tiến lên vùng quá mua.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên chờ mở các vị thế Long theo xu hướng khi thị trường xuất hiện nhịp điều chỉnh ngắn hạn. Trong trường hợp mở vị thế Short, chỉ nên đặt lợi nhuận kỳ vọng mỏng và đóng vị thế ngay trong phiên.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

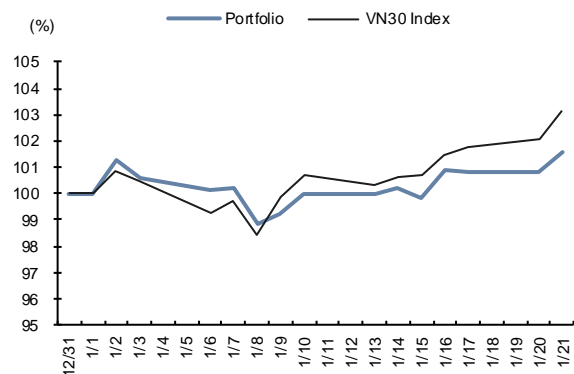
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.02%	0.79%
Tăng lũy kế (YTD)	3.12%	1.62%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/01/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	120,000	12%	3.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,000	14%	4.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	91,000	-1.1%	18.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	22,550	2.5%	14.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	37,300	15%	9.7%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	55,500	-3.3%	44.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
PV Drilling (PVD)	06/01/2020	14,800	2.1%	-6.6%	- Kỳ vọng đã hồi phục của giá dầu tiếp diễn - Giá thuê dàn khoan theo ngày đang có xu hướng tăng trở lại - Khả năng tiếp tục thu hồi được 1 phần nợ xấu trong năm 2020
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	18,300	2.5%	-3.4%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	25,850	14%	10.2%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	18,300	2.8%	3.6%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	1.4%	38.4%	31.9
E1VFN30	5.9%	99.3%	15.1
VNM	1.7%	58.7%	12.7
GAS	1.6%	3.6%	7.0
STB	1.9%	12.2%	5.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	2.8%	21.4%	4.5
DP3	-1.3%	0.5%	0.4
VCS	2.4%	2.2%	0.4
NBC	-3.1%	6.0%	0.2
IDV	0.5%	14.1%	0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	7.1%	TCH, DRC
Ngân hàng	6.0%	VCB, BID
Bán lẻ	4.8%	MWG, DGW
Tài nguyên Cơ bản	3.3%	HPG, AAA
Dịch vụ tài chính	2.8%	E1VFN30, SSI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	14.7%	TCH, DRC
Ngân hàng	9.2%	BID, CTG
Tài nguyên Cơ bản	8.6%	HPG, NKG
Bán lẻ	4.5%	MWG, DGW
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.2%	PNJ, TCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ)	GTGD (VND triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	114,900	388,641 (16,773)	38,343 (1.7)	21.9	76.8	41.1	48.4	5.3	8.2	4.9	4.4	0.0	-0.1	-0.8	-0.1
	VHM	VINHOMES JSC	87,500	287,832 (12,422)	48,388 (2.1)	34.0	15.4	10.8	35.7	33.4	36.0	4.9	3.4	1.7	1.4	3.9	3.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	32,600	74,078 (3,197)	27,821 (1.2)	16.1	27.6	21.4	18.1	9.6	10.7	2.6	2.4	1.9	-3.4	-1.1	-4.1
	NVL	NOVA LAND INVES	56,000	54,294 (2,343)	16,037 (0.7)	31.6	18.2	17.3	-4.3	14.4	12.0	2.3	-	0.0	1.1	0.5	-5.9
	KDH	KHANGDIENHOUSE	25,850	14,073 (607)	6,519 (0.3)	4.5	15.1	11.6	20.7	12.9	15.0	1.9	1.7	0.2	1.0	-2.8	-3.9
	DXG	DAT XANH GROUP	12,850	6,729 (288)	19,128 (0.8)	3.6	4.7	4.5	3.4	18.6	18.0	0.8	-	-0.4	-3.7	-6.5	-11.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	94,000	348,634 (15,046)	75,991 (3.3)	6.2	21.0	16.7	23.7	24.7	24.3	4.2	3.3	0.0	5.1	6.5	4.2
	BID	BANK FOR INVESTM	54,000	217,189 (9,373)	43,511 (1.9)	12.0	34.4	24.6	15.9	12.5	14.1	2.8	2.6	1.3	7.8	26.3	17.0
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	24,050	84,178 (3,633)	44,811 (1.9)	0.0	8.9	7.6	8.1	16.8	16.4	1.4	1.2	3.0	5.0	5.5	2.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,300	94,202 (4,066)	115,735 (5.0)	0.3	12.6	10.2	30.5	11.9	13.4	1.3	1.1	0.8	7.7	24.3	21.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,550	57,409 (2,478)	47,178 (2.0)	0.0	6.1	5.4	13.6	20.4	19.3	1.1	0.9	4.7	11.3	20.2	17.8
	MBB	MILITARYCOMMERC	22,550	52,444 (2,263)	80,203 (3.5)	0.0	6.9	6.2	15.5	21.4	20.9	1.4	1.2	2.5	4.9	7.4	8.4
	HDB	HDBANK	28,950	27,868 (1,203)	40,182 (1.7)	6.8	8.9	7.6	12.8	18.7	19.5	1.5	1.4	2.5	3.4	10.5	5.1
	STB	SACOMBANK	10,900	19,660 (848)	37,704 (1.6)	11.5	9.0	6.7	56.6	8.6	10.3	0.7	0.7	1.9	5.8	9.0	8.5
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,500	17,771 (767)	2,739 (0.1)	0.0	7.1	5.6	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	0.0	-0.9	2.4	2.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,500	21,515 (929)	2,311 (0.1)	0.0	28.0	27.2	9.4	5.1	8.0	1.4	1.3	-1.7	-2.8	3.2	-1.7
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	65,900	48,919 (2,111)	9,223 (0.4)	19.5	39.8	35.1	8.0	8.7	8.8	3.0	2.6	0.8	-0.2	-9.1	-3.9
	BMI	BAOMINHINSURANC	25,400	2,320 (100)	738 (0.0)	11.4	13.6	-	-	7.9	-	-	-	-0.4	-1.4	2.0	2.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	19,250	9,780 (422)	24,235 (1.0)	44.8	4.8	4.4	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	0.0	4.6	5.2	6.6
	VCI	VIETCAPITAL SEC	28,900	4,750 (205)	897 (0.0)	63.9	7.9	6.7	-14.5	13.9	14.8	1.0	0.9	1.2	-0.3	-3.7	-2.0
	HCM	HOCHIMINH CITY	21,950	6,706 (289)	15,293 (0.7)	43.5	12.9	7.6	-16.4	11.5	17.7	1.4	1.3	1.6	2.3	7.3	2.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,500	3,024 (131)	1,890 (0.1)	8.7	9.5	8.3	-4.2	11.4	12.3	1.0	0.9	0.3	1.8	0.0	0.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	121,000	210,707 (9,094)	64,104 (2.8)	41.3	21.6	20.4	6.9	38.9	38.7	7.5	6.9	1.7	2.7	0.8	3.9
	SAB	SAIGON BEER ALCO	233,000	149,419 (6,449)	6,887 (0.3)	36.7	29.6	24.1	25.1	34.4	36.0	8.8	7.7	-1.3	0.0	-0.5	2.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,500	63,708 (2,749)	41,976 (1.8)	9.8	13.7	13.2	-7.0	14.3	13.2	1.9	1.6	0.4	-3.7	-0.9	-3.5
	HNG	HOANGANH GIA LA	14,050	15,575 (672)	2,441 (0.1)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	1.8	0.4	-1.1	1.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	147,000	77,004 (3,323)	59,379 (2.6)	10.5	13.9	12.7	10.1	38.7	37.8	4.8	3.9	0.0	0.7	3.2	0.5
	GMD	GEMADEPT CORP	21,400	6,354 (274)	5,521 (0.2)	0.0	11.6	11.3	-44.5	9.4	9.2	1.0	1.0	0.5	-0.5	-10.3	-8.2
	CII	HOCHIMINH CITY	25,900	6,419 (277)	11,941 (0.5)	18.8	12.6	11.5	147.6	11.0	12.2	-	-	-0.4	5.3	14.3	15.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	10,150	5,761 (249)	216,529 (9.3)	45.0	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-15.8	-57.0	-41.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,800	9,667 (417)	8,837 (0.4)	33.5	7.9	10.0	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.4	0.3	1.3	6.5	2.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	53,000	4,044 (175)	5,639 (0.2)	1.8	6.3	7.6	-30.7	7.9	6.3	0.5	-	-0.9	6.9	-8.6	3.3
	REE	REE	37,300	11,565 (499)	23,923 (1.0)	0.0	6.6	6.4	0.4	16.7	15.8	1.1	1.0	1.5	4.2	4.2	2.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ)	GTGD (VNDtỷ triệu USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	94,900	181,634 (7,839)	24,309 (1.0)	45.4	15.0	13.9	2.5	25.5	26.5	3.5	3.3	1.6	0.0	-1.1	1.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	18,750	5,398 (233)	4,135 (0.2)	30.4	7.6	6.8	-2.6	18.4	19.7	1.4	-	1.9	1.4	-14.6	-13.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,250	8,416 (363)	4,294 (0.2)	32.7	9.3	9.2	-9.1	16.5	16.3	1.5	1.4	-0.8	4.0	-3.5	-2.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	25,850	71,374 (3,080)	127,968 (5.5)	10.6	10.0	8.1	2.5	16.8	18.0	1.5	1.3	1.4	3.4	12.4	10.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	12,650	4,950 (214)	3,396 (0.1)	30.1	19.6	11.2	-16.2	3.5	6.2	0.6	0.6	0.4	-1.2	-2.3	-2.3
	DCM	PETROCA MAU FER	5,950	3,150 (136)	1,269 (0.1)	46.6	7.9	9.6	-	6.4	5.3	0.5	0.5	0.7	-0.8	-10.3	-8.5
	HSG	HOA SENG GROUP	8,550	3,619 (156)	30,616 (1.3)	31.2	9.4	7.1	-5.5	7.2	8.3	0.6	0.5	3.0	5.6	2.3	9.5
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	12,550	2,149 (093)	22,539 (1.0)	37.2	5.6	5.6	49.2	16.4	16.3	0.8	0.7	0.8	5.5	-6.3	-1.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,900	67,757 (2,924)	12,240 (0.5)	6.6	17.0	16.4	11.9	18.8	19.3	3.2	3.2	1.6	2.5	0.0	1.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,800	6,233 (269)	36,818 (1.6)	30.1	38.7	28.1	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	2.1	0.7	-2.3	-1.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	14,900	4,193 (181)	4,505 (0.2)	17.0	6.4	6.0	6.9	13.4	13.8	0.8	0.7	-0.7	-3.9	-10.2	-11.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	120,000	54,385 (2,347)	64,065 (2.8)	1.1	14.1	11.4	25.7	36.1	33.7	4.4	3.4	1.2	5.4	8.4	5.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	91,000	20,492 (884)	65,541 (2.8)	0.0	15.4	13.7	20.3	27.8	27.3	3.6	3.2	-1.1	2.4	9.9	5.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	36,900	1,089 (047)	848 (0.0)	68.2	-	22.2	-40.0	-4.1	3.6	0.8	0.8	-1.6	0.0	-0.3	-0.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,300	1,445 (062)	2,646 (0.1)	1.8	4.5	4.2	0.0	25.3	22.8	1.0	0.9	-0.5	-5.2	-31.2	-13.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	38,950	5,278 (228)	18,507 (0.8)	43.0	4.9	4.8	31.3	30.8	35.3	1.7	1.5	-0.9	0.8	-18.3	2.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	88,300	11,545 (498)	1,715 (0.1)	45.6	19.4	18.2	4.0	19.8	20.0	3.5	3.3	-0.1	-1.9	-5.6	-3.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	54,000	4,051 (175)	323 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.0	-1.1	-0.6
IT	FPT	FPT CORP	55,500	37,644 (1,625)	78,716 (3.4)	0.0	12.0	9.9	26.6	24.3	25.2	2.5	2.2	-3.3	-2.6	-1.8	-4.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.